

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày: 29-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hoàng Khải.

Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Văn Th, sinh ngày 01-01-1973 tại tỉnh Đồng Tháp; Cư trú: Ấp Anh D, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn Ng, sinh năm 1930 (chết) và con bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1931 (chết); Vợ Trần Thị V, sinh năm 1972; Có 02 người con: Lớn sinh năm 1992 và nhỏ sinh năm 1998; Có 08 anh chị em ruột; Bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 24-4-2023; Tạm giam: Ngày 27-4-2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1/. Lâm Thành V, sinh năm 1996 (có mặt).

Cư trú: Ấp Anh D, xã Tân Th, huyện Tân, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Đặng Văn S, sinh năm 1962 (có mặt).

3/. Hồ Thị Bé T, sinh năm 1979 (có mặt).

4/. Lê Út T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp Tham B, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

5/. Huỳnh Thị C, sinh năm 1962 (có mặt).

Cư trú: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

6/. Hồ Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

Cư trú: Ấp Chiến Th, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Trần Thị V, sinh năm 1972

2/. Huỳnh Thị M, sinh năm 1970.

Cùng cư trú: Ấp Anh D, xã Tân Th, huyện Tân H tỉnh Đồng Tháp.

3/. Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1957.

Cư trú: Ấp Thi S, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1/. Nguyễn Văn T, sinh năm 1949.

2/. Phùng Thị Kiều T, sinh năm 1993.

Cùng cư trú: Ấp Thi S, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Đặng Quốc Ph, sinh năm 1987.

Cư trú: Ấp Cay M, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

4/. Võ Hữu B, sinh năm 1985.

Cư trú: Ấp Long s, xã Thông Bì, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

5/. Nguyễn Mặc L, sinh năm 1973.

Cư trú: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

6/. Nguyễn Trí Th, sinh năm 1980.

Cư trú: Ấp Tuyết H, xã Tân Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

7/. Đặng Văn D, sinh năm 1964.

8/. Lê Văn L, sinh năm 1971.

Cùng cư trú: Ấp Anh D, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

9/. Phạm Duy L, sinh năm 1994.

Cư trú: Ấp Cả C, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn Th có thuê đất lúa của ông Đặng Văn D làm khoảng 30.000 mét vuông (30 công) tại ấp Anh D, xã Tân Th, huyện Tân H. Do nhiều

lần làm kinh tế (nuôi cá) bị thua lỗ nên mất khả năng trả nợ nên Th nảy sinh ý định hợp đồng bao tiêu lúa, mục đích nhằm chiếm đoạt tiền của người khác để trả nợ, cụ thể từ tháng 12-2021 đến ngày 07-5-2022 bị cáo Th đã nhiều lần bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản như sau:

Lần thứ 1: Trong khoảng tháng 12-2021 bị cáo Th đến nhà ông Huỳnh Văn C, tại ấp Chòi M, xã Thông B ký hợp đồng bao tiêu lúa diện tích 130.000 mét vuông (130 công), bị cáo Th nhận tiền đặt cọc bao tiêu lúa 65.000.000 đồng, lúc này do bị cáo Th có quen biết với bà Huỳnh Thị M ở gần nhà, nên bị cáo Th kêu bà M đến ký hợp đồng bao tiêu lúa với anh C, diện tích 130 công, bà M nhận tiền của anh C 65.000.000 đồng và chia lại cho bị cáo Th 40.000.000 đồng, bà M giữ lại 25.000.000 đồng. Đến khi thu hoạch lúa thì bà M đã bán lúa cho người khác và chấp nhận bồi thường hợp đồng thêm 5.000.000 đồng, số tiền nhận cọc và bồi thường cho ông C, bà M đã giao lại cho bị cáo Th 30.000.000 đồng để bị cáo Th đem trả cho ông C nhưng đến thời hạn, bị cáo Th không có lúa để giao và không trả lại tiền của bà M gửi trả cho ông C. Đến ngày 10-4-2022 bị cáo Th đến nhà ông C để thỏa thuận ký lại hợp đồng bao tiêu lúa, diện tích 310 công, với tổng số tiền đặt cọc là 155.000.000 đồng, nhưng lần này bị cáo Th không có nhận tiền vì đã trừ vào tiền đã nhận của hai hợp đồng trước và tiền bồi thường hợp đồng. Bị cáo Th đã có ý thức chiếm đoạt của ông C 65.000.000 đồng, còn số tiền 65.000.000 đồng bà M ký hợp đồng với ông C là giao dịch dân sự.

Lần thứ 2: Ngày 13-4-2022 bị cáo Th gọi điện thoại cho anh Hồ Thanh T hẹn đến nhà ông Nguyễn Văn E (7 Phong) tại ấp Anh D, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa, diện tích 60 công và nhận tiền đặt cọc của Tuấn là 30.000.000 đồng nhưng đến ngày hẹn bị cáo Th không có lúa để giao. Bị cáo Th chiếm đoạt của anh T số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 26-4-2022 (nhằm ngày 26/3 âm lịch) bị cáo Th đến nhà anh L tại ấp Anh D, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa với chị Hồ Thị Bé T, diện tích: 250 công, bị cáo Th nhận tiền đặt cọc 125.000.000 đồng rồi chiếm đoạt không có lúa để giao.

Lần thứ 4: Ngày 26-4-2022 bị cáo Th gọi điện thoại cho ông Đặng Văn S hỏi có làm hợp đồng bao tiêu lúa nữa không, thì ông S trả lời là không, do trước đây bị cáo Th ký hợp đồng bao tiêu lúa nhiều lần nhưng đến khi thu hoạch bị cáo Th không có lúa để giao và có lần chấp nhận bồi thường hợp đồng, nhưng chậm trả lại tiền. Đến ngày 27-4-2022 bị cáo Th và ông S hẹn đến quán nước của chị Phùng Thị Kiều T, tại ấp Thi S, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa nhưng do bận công việc nên bị cáo Th điện thoại nhờ Phạm Duy L (con rể Th) đến gặp ông S để ký hợp đồng đặt cọc bao tiêu lúa thay, diện tích 100 công, L nhận 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, L trả cho ông S 15.000.000 đồng là tiền bị cáo Th mua lúa giống còn nợ của ông S, số tiền còn lại 35.000.000 đồng L đem về nhà đưa cho bị cáo Th. Đến ngày 28-4-2022 ông S gọi điện thoại cho bị cáo Th và hẹn đến quán nước ông Mười L để ký vào hợp

đồng mà ông S và L đã ký. Nhưng đến thời hạn, bị cáo Th không có lúa để giao và chiếm đoạt của ông S số tiền 50.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 30-4-2022 bị cáo Th đến nhà của anh Lâm Thành V tại ấp Anh D, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa, diện tích: 250 công, bị cáo Th nhận tiền đặt cọc của anh V 125.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng với anh V xong thì bị cáo Th đã chia lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 20.000.000 đồng là tiền đặt cọc bao tiêu lúa của bà V là 40 công và trong thời điểm này bị cáo Th có làm ruộng khoảng 30 công, số tiền 15.000.000 đồng. Như vậy, lần này bị cáo Th có ý thức gian dối chiếm đoạt của anh V số tiền 90.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Th đã chia tiền đặt cọc lúa cho bà V, đến khi mùa thu hoạch lúa thì bà V không liên lạc được với bị cáo Th (do bị cáo Th không có mặt tại địa phương) nên bà V đã giao tiền 20.000.000 đồng lại cho anh V.

Lần thứ 6: Ngày 03-5-2022 bị cáo Th gọi điện thoại cho anh Hồ Thanh T hẹn đến nhà của ông Nguyễn Văn E tại ấp Anh Dg, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa. Nhưng sau đó bị cáo Th bận công việc nên nhờ Phạm Duy L đến gặp anh T để ký hợp đồng và nhận tiền thay cho Th, diện tích 40 công, tiền đặt cọc 20.000.000 đồng, L đem tiền về đưa cho bị cáo Th nhưng đến ngày hẹn không có lúa để giao và chiếm đoạt của anh T số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ 7: Ngày 07-5-2022 bị cáo Th đến nhà của anh Lâm Thành V tại ấp Anh D, xã Tân Th để ký hợp đồng bao tiêu lúa, diện tích 100 công, bị cáo Th nhận tiền đặt cọc của anh V 50.000.000 đồng nhưng đến ngày hẹn không có lúa để giao và chiếm đoạt của anh V số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Th chiếm đoạt được là 430.000.000 đồng dùng để trả nợ bồi thường hợp đồng bao tiêu lúa mùa trước cho anh Nguyễn Trí Th 120.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Minh Ph 120.000.000 đồng, trả tiền thuê đất các năm trước cho anh Đặng Văn D 50.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng để nuôi cá và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó Th đi làm thuê ở tỉnh Bình Phước, đến ngày 24-4-2023 thì bị cáo Th đến Cơ quan Công an huyện Tân Hồng để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 Hợp đồng mua lúa + nếp, ngày 10-4-2022, diện tích: 310 công, số tiền: 155.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Huỳnh Văn C.

- 01 Hợp đồng bao tiêu (không có ghi ngày tháng ký hợp đồng), diện tích: 100 công, số tiền 60.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Đặng Văn S.

- 01 Hợp đồng bao tiêu nếp-lúa tươi, ngày 26-3-2022, diện tích: 250 công, số tiền: 125.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Hồ Thị Bé T.

- 01 Hợp đồng mua bán các loại lúa khô- lúa tươi- nếp- bao tiêu, ngày 30/4/2022, diện tích 250 công, số tiền: 125.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Lâm Thành V.

- 01 Hợp đồng mua bán các loại lúa khô- lúa tươi- nếp- bao tiêu, ngày 07/5/2022, diện tích 100 công, số tiền: 50.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Lâm Thành V.

- 01 Hợp đồng mua, bán nếp trong vụ Hè thu năm 2022, ngày 13-4-2022, diện tích 60 công, số tiền: 30.000.000 đồng, giữa Phan Văn C (Phan Văn Th) và Hồ Thanh T.

- 01 Hợp đồng mua, bán nếp trong vụ Hè thu năm 2022, ngày 03-5-2022, diện tích 40 công, số tiền: 20.000.000 đồng, giữa Phan Văn Th và Hồ Thanh T.

Tại bản kết luận giám định số: 320/KL-KTHS ngày 20/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

Chữ ký, chữ viết họ tên Phan Văn Th trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (các hợp đồng bao tiêu lúa) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Văn Th trên tài liệu mẫu ký hiệu M do cùng một người ký, viết ra.

Trong quá trình điều tra, Phan Văn Th đã tác động gia đình là bà Trần Thị V (vợ Th) đã khắc phục bồi thường cho ông Huỳnh Văn C số tiền 20.000.000 đồng và trong giai đoạn truy tố, bà V đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng số tiền 30.000.000 đồng để khắc bồi thường cho các bị hại.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKSTH ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Phan Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm; các bị hại yêu cầu bị cáo Phan Văn Th trả lại số tiền cụ thể như sau: Hồ Thanh T yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đồng; Đặng Văn S yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đồng; Hồ Thị Bé T yêu cầu trả lại số tiền 125.000.000 đồng; Lâm Thành V yêu cầu trả lại số tiền 155.000.000 đồng; Huỳnh Văn C yêu cầu trả lại số tiền 135.000.000 đồng, tổng cộng là 515.000.000 đồng và bị cáo Phan Văn Th thống nhất bồi thường trả lại số tiền theo cầu của các bị hại.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình khắc phục bồi thường một phần hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình; có cô ruột là Phan Thị H được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; có bà là Phan Kim T là liệt sĩ và chú ruột Phan Văn Ch là người có công cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn Thắng mức hình phạt từ năm đến năm tù.

Đối với Phạm Duy Linh là người do bị cáo nhờ ký hợp đồng bao tiêu lúa với anh Đặng Thanh Sơn và anh Hồ Thanh Tuấn, sau khi nhận tiền về thì Linh đã giao lại cho bị cáo và bị cáo cũng đã ký xác nhận vào hợp đồng đã nhờ Linh ký, việc bị cáo bị cáo có ý thức gian dối để chiếm đoạt tiền của anh Sơn và anh Tuấn thì Linh không biết, nên không xem xét xử lý Linh với vai trò đồng phạm.

Đối với bà Huỳnh Thị Mum có ký hợp đồng bao tiêu lúa với anh Huỳnh Văn Cường số tiền 65.000.000 đồng, bà Mum đã đưa cho bị cáo tiền đặt cọc 40.000.000 đồng. Sau khi thu hoạch lúa bà Mum đã bán lúa cho người khác nên đã bồi thường hợp đồng và gửi tiền lại cho bị cáo 30.000.000 đồng nên về trách nhiệm bị cáo thống nhất trả lại cho anh Cường toàn bộ số tiền 65.000.000 đồng đối với hợp đồng mà bà Mum mua đã ký với anh Cường là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu Vân có nhận cọc lúa 20.000.000 đồng do bị cáo chia lại đến mùa thu hoạch lúa bị cáo không có mặt tại địa phương nên bà Vân không giao lúa được và bà Vân đã giao trả lại số tiền này cho anh Lâm Thành Vĩ, để anh Vĩ tất toán hợp đồng với bị cáo nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị hại yêu và bị cáo về việc bị cáo trả lại số tiền cho các bị hại cụ thể như sau: Trả lại cho Hồ Thanh Tuấn số tiền 50.000.000 đồng; trả lại cho Đặng Văn Sơn số tiền 50.000.000 đồng; trả lại cho Hồ Thị Bé Tám số tiền 125.000.000 đồng; trả lại cho Lâm Thành Vĩ số tiền 155.000.000 đồng và trả lại cho Huỳnh Văn Cường số tiền 135.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với 07 hợp đồng bao tiêu lúa, nếp đã thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân

Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ được; kết luận giám định; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người tham gia tố tụng khác và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã nhiều lần bằng thủ đoạn gian dối trong việc ký hợp đồng bao tiêu lúa để lừa đảo chiếm đoạt tổng cộng số tiền 515.000.000 đồng của các bị hại.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi. Xuất phát từ lòng tham của bản thân, bị cáo đã nhiều lần bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Lời thú nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phan Văn Thắng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên”;

[4] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư trên địa bàn nơi xảy ra phạm tội nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm để giáo dục cho bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình là vợ bị cáo khắc phục bồi thường một phần hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình; có cô ruột là Phan Thị Hai được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; có bà là Phan Kim Tư là liệt sĩ và chú ruột Phan Văn Chỉ là người có công cách mạng,

nên Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình là vợ khắc phục bồi thường một phần hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình; có cô ruột là Phan Thị Hai được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; có bà là Phan Kim Tư là liệt sĩ và chú ruột Phan Văn Chỉ là người có công cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Từ những tình tiết phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật hình sự nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo làm thuê, không có việc làm ổn định và thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

Đối với Phạm Duy Linh là người do bị cáo nhờ ký hợp đồng bao tiêu lúa với anh Đặng Thanh Sơn và anh Hồ Thanh Tuấn, sau khi nhận tiền về thì Linh đã giao lại cho bị cáo và bị cáo cũng đã ký xác nhận vào hợp đồng đã nhờ Linh ký, việc bị cáo bị cáo có ý thức gian dối để chiếm đoạt tiền của anh Sơn và anh Tuấn thì Linh không biết, nên không xem xét xử lý Linh với vai trò đồng phạm với bị cáo là phù hợp.

Đối với bà Huỳnh Thị Mum có ký hợp đồng bao tiêu lúa với anh Huỳnh Văn Cường số tiền 65.000.000 đồng, bà Mum đã chi cho bị cáo tiền đặt cọc 40.000.000 đồng. Sau khi thu hoạch lúa bà Mum đã bán lúa cho người khác nên đã bồi thường hợp đồng và gửi tiền lại cho bị cáo 30.000.000 đồng nên về trách nhiệm bị cáo thống nhất trả lại cho anh Cường toàn bộ số tiền 65.000.000 đồng đối với hợp đồng mà bà Mum mua đã ký với anh Cường là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu Vân có nhận cọc lúa 20.000.000 đồng do bị cáo chia lại đến mùa thu hoạch lúa bị cáo không có mặt tại địa phương nên bà Vân không giao lúa được và bà Vân đã giao trả lại số tiền này cho anh Lâm Thành Vĩ, để an Vĩ tất toán hợp đồng với bị cáo nên không xem xét xử lý, là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị hại và bị cáo về việc bị cáo trả lại số tiền cho các bị hại cụ thể như sau: Trả lại cho Hồ Thanh Tuấn số tiền 50.000.000 đồng; trả lại cho Đặng Văn Sơn số tiền 50.000.000 đồng; trả lại cho Hồ Thị Bé Tám số tiền 125.000.000 đồng; trả lại cho Lâm Thành Vĩ số tiền 155.000.000 đồng và trả lại cho Huỳnh Văn Cường số tiền 135.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Đối với 07 hợp đồng bao tiêu lúa, nếp đã thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án, là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Phan Văn Thắng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Thắng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Thắng năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 12-4-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 48 Bộ luật hình sự và các các Điều 584, 585, 590 và Điều 592 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phan Văn Thắng và các bị hại Hồ Thanh Tuấn; Đặng Văn Sơn; Hồ Thị Bé Tám; Lâm Thành Vĩ; Huỳnh Văn Cường.

Bị cáo Phan Văn Thắng có trách nhiệm trả lại cho các bị hại cụ thể như sau: Trả lại cho Hồ Thanh Tuấn số tiền 50.000.000 đồng; Đặng Văn Sơn số tiền 50.000.000 đồng; Hồ Thị Bé Tám số tiền 125.000.000 đồng; Lâm Thành Vĩ số tiền 155.000.000 đồng; Huỳnh Văn Cường số tiền 135.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng (do gia đình bị cáo Thắng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng để khắc phục cho các bị hại).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án 07 hợp đồng bao tiêu lúa, nếp.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn Thắng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 24.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên phiên có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-02-2024). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu